

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 180

LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 7)

Như Tôn giả Bà-tư-ca... thì tâm thắm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận tăng thượng: Nói là Đẳng (...) tức là thâu nhiếp cả Tôn giả Phả-lạc-ca, Tôn giả Chí-lũ-ca.

Trong này, tâm thắm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận, thì tên gọi khác nhau mà nghĩa chỉ một, như thứ tự ấy lấy loại sau để giải thích loại trước. Hoặc tâm thắm nhuần là câu chung, tâm mềm mỏng là câu riêng hiển bày về tâm không có kiêu ngạo, tâm hòa thuận là câu riêng hiển bày về tâm không có khinh mạn.

Tại sao biết được Bà-tư-ca... có những sự việc như tâm thắm nhuần...? Từng nghe ba người ấy nghe Đức Phật xuất thế, hỏi thăm biết là Đức Phật ở tại thành Thất-la-phiệt, ba người theo nhau từ thành Vương Xá đi đến thành Thất-la-phiệt. Đức Thế Tôn biết họ trải qua nhiều lần lập đi lập lại thì căn thiện mới chín muồi, liền chọn lấy đường khác từ thành Thất-la-phiệt đi đến thành Vương Xá. Bà-tư-ca... đi đến thành Thất-la-phiệt, nghe tin Đức Phật đã đi trở lại thành Vương Xá, liền tiếp tục dẫn nhau quay lại đi đến thành Vương Xá; đến rồi nghe tin Đức Phật đã đi đến nước Chiêm Ba, lại tiếp tục dẫn nhau đi đến nước Chiêm Ba; đến rồi tìm hỏi nghe tin Đức Phật đã đi đến nước Bà-la-ni-tư, ba người lại theo nhau đi đến Bà-la-ni-tư; đến rồi được tin Đức Phật đã đi đến thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, lại cùng nhau đi đến thành Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ; đến rồi được tin Đức Phật đã đi đến thành Phê-xá-ly. Như vậy, Đức Thế Tôn ở sáu thành lớn đi vòng quanh sáu lần, Bà-tư-ca... cũng luôn luôn tìm theo Đức Phật qua lại sáu lần. Đức Phật biết lúc căn của những người ấy chín muồi, đến tại thành Thất-la-phiệt sẽ cùng họ gặp nhau, Đức Phật mới đi vào thành, họ từ trong thành đi ra, bỗng nhiên từ xa trông thấy Đức Phật, hoan hỷ không sao

kể xiết, chân chưa chạm đất đã đạt được quả Dự lưu, sau đó không lâu thành bậc A-la-hán.

Nhưng ba người ấy, nếu không phải là tâm thãm nhuần-mềm mông-hòa thuận, thì sẽ đi đến ở một thành để chờ đợi Đức Phật, lẽ nào có thể tìm theo Đức Phật đi khắp sáu thành lớn vòng quanh sáu lần hay sao? Tâm ban đầu không có một niệm vất vả mệt mỏi, lúc mới trông thấy Đức Phật liền chứng được quả Thánh, cho nên Đức Phật khen ngợi rằng: Bà-tư-ca... là nhanh nhẹn bậc nhất.

Như nói: “Trong đệ tử của Ta thì Tiểu Lộ đối với Tâm quay về thiện, Đại Lộ đối với Tướng quay về thiện.”

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trú vào Tâm thuận theo Tâm quán về Niệm trú, Tôn giả Đại Lộ phần nhiều trú vào Pháp thuận theo Pháp quán về Niệm trú.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trú vào Tâm niệm trú, Tôn giả Đại Lộ phần nhiều trú vào Pháp niệm trú?

Đáp: Bởi vì ý thích của hai Tôn giả ấy khác nhau.

Lại nữa, Tôn giả Tiểu Lộ là người thuộc về hành Ái, vị ấy do lực của tâm, từ vô thủy cho đến ngày nay ở trong sinh tử nhận chịu nhiều khổ não, nay thành bậc Vô học thường trách mắng tâm, vì vậy phần nhiều trú vào Tâm niệm trú mà quán xét; Tôn giả Đại Lộ là người thuộc về hành Kiến, vị ấy do lực của tướng, từ vô thủy cho đến ngày nay ở trong sinh tử nhận chịu nhiều khổ não, nay thành bậc Vô học thường trách mắng tướng, vì vậy phần nhiều trú vào Pháp niệm trú mà quán xét.

Hỏi: Hai Tôn giả này vì sao đặt theo tên gọi này?

Đáp: Từng nghe trong thành Thất-la-phiệt có người phụ nữ dòng Bà-la-môn, nhiều lần sinh con trai, sinh rồi liền chết. Người phụ nữ ấy không bao lâu lại sinh một bé trai, lập tức khiến người đem đến bỏ ở con đường lớn, trải qua thời gian không chết, cho nên đặt theo tên gọi này. Người phụ nữ ấy về sau lại sinh một người con, vẫn lập tức khiến người đem bỏ ở con đường nhỏ, cũng trải qua thời gian không chết, vì vậy đặt theo tên gọi này. Tôn giả Đại Lộ là người lợi căn thuộc về hành Kiến, đến tuổi trưởng thành xuất gia theo Đức Phật, tinh tiến tu hành thành vị A-la-hán. Tôn giả Tiểu Lộ là người độn căn thuộc về hành Ái, thích sống ở nhà quần quýt bảo vệ thân thuộc, làm cho tài sản thêm nhiều, hưởng đến địa vị cao quý giàu sang, bà con họ hàng hưng thịnh, hưởng thụ nhiều dục lạc, về sau đều suy giảm. Như bài tụng nói:

“Tài sản tích lũy sau phải hết,

*Địa vị cao sang sau phải xuống,
Thân quyến hội tụ sau phải lìa,
Thọ mạng tồn tại sau phải chết.”*

Vì vậy, Tiểu Lộ về sau không lâu thì cha mẹ qua đời, tiền của châu báu thất lạc mất mát, địa vị cao sang lui sụt rời bỏ, thân quyến chia lìa, hình dáng tiêu tụy. Anh trai là Đại Lộ nhìn thấy mà thương xót cho em, độ cho xuất gia, thọ Cụ túc giới, dạy cho bài tụng Câu-ca-thanh khiến thường đọc tụng cho thuộc lòng:

*“Thân-ngũ-ý đừng có gây ra,
Tất cả điều ác của thế gian,
Lìa ham muốn-nghĩ biết đúng đắn,
Không nhận chịu khổ đau vô nghĩa.”*

Vị ấy vô cùng tối tăm chậm chạp, tiếp nhận bài tụng này rồi chịu khó chịu khổ luyện tập đọc tụng suốt trong bốn tháng, người chăn trâu-dê ở ven đường nghe đọc tụng đều thông suốt lưu loát, mà vị ấy vẫn chưa đọc thuộc được. Qua bốn tháng mưa, Tỳ kheo khắp nơi trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn, cho nên đều tập trung lại với nhau. Mỗi ngày vào sáng sớm, Tỳ kheo mới học đều đi đến nơi Ô-ba-đà-da (thân giáo sư) A-già-lợi-da để tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất. Tiểu Lộ lúc bấy giờ cũng bắt chước người khác mà đi, sắp ra khỏi cửa phòng, người anh liền hỏi: Em muốn đi đâu? Trả lời rằng: Em muốn đi đến nơi Ô-ba-đà-da A-già-lợi-da để tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất. Người anh nói rằng: Ta chính là Ô-ba-đà-da của ông, mà ông lại còn đi đến nơi nào? Nhưng Tiểu Lộ ấy, là người cần phải trách mắng đuổi đi mới tiến vào đạo. Đại Lộ ngay lập tức đưa tay nắm gáy người em kéo ra ngoài phòng mắng rằng: Người ngu dốt, Ta dạy cho ông một bài tụng trong bốn tháng trời, người chăn trâu-dê ven đường đọc tụng đều thông suốt lưu loát, ông vẫn chưa đọc thuộc được, mà bây giờ còn nói là muốn đi đến nơi khác tiếp nhận văn từ, thưa hỏi nghĩa lý đã quên mất hay sao? Tiểu Lộ đã bị anh trách mắng đuổi đi rồi, vào trong Thệ-đa-lâm (tinh xá Kỳ Hoàn) mà đứng khóc sụt sùi. Lúc ấy Đức Phật từ bên ngoài đi vào Thệ-đa-lâm, trông thấy bèn hỏi nguyên do sự việc: Đáng thương cho Tiểu Lộ, vì sao mà khóc sụt sùi? Vị ấy đem đầy đủ sự việc trên thưa với Đức Thế Tôn, Đức Phật liền nói rằng: Con có thể đi theo Ta, lý nào mà quên được không? Vị ấy thưa rằng: Con có thể. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền dùng thần lực xoay chuyển chướng ngại vốn có trong bài tụng đã học ấy, trở lại giảng giải cho nghe, lập tức tụng được, hơn hẳn công lao đã sử dụng trong bốn tháng trước. Lại dùng bài

tụng trừ bụi bần(trừ trần cấu) để phân biệt giảng giải mà nói với Tiểu Lộ rằng: Hôm nay Tỳ kheo từ bên ngoài đến thì con đều có thể lau sạch bụi bần vốn có trên giày dép cho họ! Tiểu Lộ vâng dạ cung kính, thực hành như lời dạy. Đến lúc chiều muộn có một Tỳ kheo, giày dép dính đầy bụi bần, Tiểu Lộ lau chùi một chiếc thì rất sạch, một chiếc thì chùi mãi mà không có thể sạch được, liền dấy lên nghĩ rằng: Bụi bần là vật bên ngoài tạm thời dính vào hãy còn không có thể chùi sạch, huống gì bụi bần như tham dục-sân-si...ở bên trong suốt đời dính vào tâm thì do đâu mà có thể làm sạch? Lúc dấy lên ý nghĩ này, thì lúc ấy quán Bất tịnh và Trì tức niệm liền hiện rõ ở trước mắt, theo thứ tự đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Tiểu Lộ vì sao tối tăm chậm chạp như vậy?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ xưa kia ở trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp-ba, thọ trì đầy đủ ba Tạng của Đức Phật ấy, bởi vì keo kiệt bần thủ về giáo pháp che lấp tâm tư, không hề trao truyền văn từ-giải thích ý nghĩa và lý lẽ cho người khác mà bỏ quên mất, do nghiệp ấy cho nên nay mang lấy quả báo vô cùng tối tăm chậm chạp như vậy.

Có người nói: Tôn giả ấy đã từng ở tại thành Bà-la-ni-tư làm người buôn heo, buộc miệng của năm trăm con heo chuyển lên trên thuyền chở sang đến bờ bên kia, đến lúc xuống thuyền bởi vì hơi thở không thông cho nên cả bầy heo đều đã chết, do nghiệp lực ấy mà tối tăm chậm chạp như vậy.

Có người nói: Tôn giả ấy xưa kia trong đời khác đã từng bít chặt cửa hang của loài thú Cù-đà, khiến cho không thoát ra được mà chết ở trong hang, do nghiệp ấy mà tối tăm chậm chạp như vậy.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo nên biết! Ta không thấy một pháp nào xoay chuyển nhanh chóng giống như tâm. Nguyên cố thế nào? Bởi vì tâm xoay chuyển nhanh chóng khó mà đưa ra ví dụ. Vì thế cho nên các Thầy cần phải học để khéo léo nhận biết về tâm, khéo léo nhận biết về sự xoay chuyển của tâm.”

Hỏi: Đã nói đến tâm xoay chuyển nhanh chóng, đó là bởi vì thời gian hay là bởi vì sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu bởi vì thời gian thì tất cả các pháp hữu vi đều xoay chuyển nhanh chóng đối với thời gian, nếu bởi vì sở duyên thì tất cả tâm-tâm sở pháp đều xoay chuyển nhanh chóng đối với sở duyên, vì sao chỉ nói đến tâm?

Đáp: Cũng bởi vì thời gian-cũng bởi vì sở duyên cho nên nói là tâm xoay chuyển nhanh chóng. Nhưng dựa vào sự nối tiếp nhau chứ không dựa vào sát-na. Nếu dựa vào sát-na mà nói về tâm xoay chuyển

nhanh chóng, thì lẽ ra đối với thời gian có phần ít xoay chuyển nhanh chóng, phần ít không xoay chuyển nhanh chóng; cũng không có xoay chuyển nhanh chóng đối với sở duyên, bởi vì nói: Nếu pháp là sở duyên của nó thì pháp này không có lúc nào không phải là sở duyên của nó.

Vì vậy chỉ dựa vào sự nối tiếp nhau mà nói là tâm xoay chuyển nhanh chóng, nghĩa là tâm trong một thân có lúc là thiện, có lúc là bất thiện, có lúc là vô ký, có lúc dựa vào mắt cho đến có lúc chỉ dựa vào ý, có lúc duyên với sắc cho đến có lúc duyên với pháp, trong mỗi một loại lại tiếp tục chuyển đổi.

Hỏi: Các tâm sở pháp cũng có xoay chuyển nhanh chóng như vậy, vì sao chỉ nói đến tâm?

Đáp: Cũng cần phải nói đến tâm sở mà không nói, thì nên biết là Đức Phật có cách nói khác, cũng là tùy duyên mà nói giản lược.

Có người nói: Trong này đưa ra tâm cũng thấu nhiếp tâm sở, bởi vì cùng một tụ.

Có người nói: Trong này nói đến pháp thù thắng nhất, như nói nhà vua đến.

Có người nói: Tâm sở dựa vào tâm, bởi vì tâm cho nên gọi là tâm sở, bởi vì tâm là mặt đất cho nên tâm sở gọi là vốn có của mặt đất, vì thế nói đến tâm thì cũng nói đến tâm sở.

Có người nói: Tha tâm trí chứng thông-đạo vô gián chỉ duyên với tâm, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Có người nói: Trong này, thanh của tâm là nói chung cho tất cả tâm và tâm sở, bởi vì nó đều có nghĩa của sự tích tụ.

Có người nói: Tâm là pháp đi trước dẫn đường cho nên chỉ nói đến tâm, như bài tụng nói: “Ý là pháp đi trước dẫn đường...”

Có người nói: Tâm gọi là đi xa, như bài tụng nói: “Tâm đi xa chỉ đi một mình...”

Có người nói: Tâm gọi là vua, như bài tụng nói: “Thứ thứ sáu tăng thượng là vua...”

Lại nữa, tâm gọi là nương tựa, như trong kinh nói: “Nơi hiện hành và cảnh giới của năm căn đều khác, ý thọ dụng đầy đủ nơi hiện hành của năm căn và cảnh giới của năm căn, bởi vì năm căn dựa vào ý.”

Lại nữa, tâm gọi chủ thành, như trong kinh nói: “Nói đến chủ thành, tức là có giữ lấy Thức.” Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên chỉ nói đến tâm.

Lại có người nói: Tâm có thể phát khởi giới thiện-giới ác, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm, như trong kinh nói: “Giới thiện-giới ác đều dựa

vào tâm mà khởi lên.”

Có người nói: Tâm cheo leo sinh vào nẻo ác, tâm bằng phẳng sinh vào nẻo thiện, cho nên chỉ nói đến tâm, như trong kinh nói: “Nho đồng, Anh vũ, Đô-đề-da-tử, bởi vì ở bên cạnh Đức Phật khởi lên tâm ác, cho nên lúc thân hoại mạng chung, như khoảng thời gian ném vỏ sò, sẽ rơi vào địa ngục; họ lại đối với Đức Phật khởi lên tâm thiện, cho nên lúc thân hoại mạng chung, như khoảng thời gian ném vỏ sò, sẽ sinh trong cõi trời.”

Có người nói: Tâm là pháp bên trong, ở khắp tất cả mọi nơi, có thể có sở duyên, vì thế cho nên chỉ nói đến tâm. Tâm là pháp bên trong, bởi vì Xứ bên trong thâm nhiếp; ở khắp tất cả mọi nơi, bởi vì dưới từ địa ngục vô gián, trên đến cõi Hữu Đảnh, khắp nơi đều có; có thể có sở duyên, bởi vì có thể duyên với tất cả các pháp.

Có người nói: Tâm luôn luôn nối tiếp nhau, tâm sở thì không như vậy. Lại nữa, tâm không có tăng-giảm, tâm sở thì không như vậy.

Có người nói: Lúc tâm đối với sở y-sở duyên-hành tướng như vậy mà chuyển, thì tâm sở tùy chuyển; như nơi nào cá được đi lại, thì cá mái đều đi theo. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Có người nói: Nếu tâm không điều phục-không kín đáo-không bảo vệ-không đề phòng-không tu dưỡng, không điều hòa mềm mại thì sẽ hủy hoại, tâm sở cũng như vậy; nếu tâm điều phục-kín đáo-bảo vệ-đề phòng-tu dưỡng, mà điều hòa mềm mại thì sẽ không hủy hoại, tâm sở cũng như vậy. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm.

Lại nữa, nếu tâm không kèm chế rong ruổi tản mác theo năm cảnh thì tâm sở cũng như vậy; nếu tâm nhờ kèm chế không rong ruổi theo năm cảnh thì tâm sở cũng như vậy; như dùng ống tre lọc nước, phần trên mở ra thì chảy xuống, phần trên đóng lại thì ngừng chảy. Vì thế cho nên chỉ nói đến tâm chứ không phải là tâm sở.

Hỏi: Đức Phật ở nơi khác nói tâm giống như vượn khỉ, vì sao lại nói tâm xoay chuyển nhanh chóng khó mà đưa ra ví dụ?

Đáp: Bởi vì không phải là tùy người-tùy lực-tùy lúc-tùy Tuệ mà có thể đưa ra ví dụ về tâm, cho nên nói là khó đưa ra, chứ không nói là không có ví dụ.

Không phải là tùy người, bởi vì không phải các dị sinh yếu kém về Định hãy nghe liền suy nghĩ mà có thể đưa ra được, chỉ có Đức Phật-Độc giác và đệ tử hàng Thánh, khéo léo nhận biết về tự tướng-cộng tướng của các tâm thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy lực, bởi vì không phải là không tác ý-không có

thực hiện gia hạnh, cần phải do tác ý-gia hạnh thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy lúc, bởi vì không phải là lúc không có Phật mà có thể đưa ra, phải là lúc mặt trời của Phật xuất hiện ở thế gian thì mới có thể đưa ra.

Không phải là tùy Tuệ, bởi vì không phải Tuệ thô thiển nông cạn mà có thể đưa ra, chỉ riêng Giác Tuệ sâu xa vi tế thì mới có thể đưa ra.

Có người nói: Nếu có ai đối với tâm khéo léo nhận biết khởi lên, khéo léo nhận biết dừng lại, khéo léo nhận biết rời ra, khéo léo nhận biết tăng thêm, khéo léo nhận biết giảm xuống, khéo léo nhận biết phương tiện, khéo léo nhận biết thời gian, khéo léo nhận biết sở hành, khéo léo nhận biết dẫn phát, thì mới có thể đưa ra ví dụ về tâm, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ai có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là Đức Phật. Ai biết có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó chính là Đức Phật. Bởi vì hai điều này không đi cùng, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ai có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là người khéo léo nhận biết về tâm sinh diệt không ngừng trong từng sát-na. Ai biết có thể đưa ra ví dụ về tâm? Đó là người khéo léo nhận biết về tâm sinh diệt không ngừng trong từng sát-na. Bởi vì hai điều này không đi cùng, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Ví dụ về tâm, hoặc là như nhau, hoặc là tương tự. Như nhau là như nói về tâm giống như tâm; tương tự là như nói về tâm giống như Thọ... Hai loại này cùng thâm nhiếp ở trong tâm nhanh chóng, vì thế cho nên trước đây nói trong này thanh của tâm là thâm nhiếp chung tất cả tâm và tâm sở, ngoài ra lại không có như nhau và tương tự, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Nếu pháp có thể dụng giữ lấy cảnh như tâm thì có thể làm ví dụ về tâm, nhưng không có pháp như vậy, cho nên nói là khó đưa ra. Tuy trong kinh nói tâm như vượn khỉ, nhưng mà vượn khỉ rời bỏ một cành-nắm lấy một cành, trong khoảnh khắc có trăm ngàn tâm xoay chuyển đối với cảnh, cho nên nói là khó đưa ra.

Có người nói: Đức Thế Tôn chỉ nói là khó đưa ra ví dụ, bởi vì không có người chứng thực nhận biết, chứ không nói là hoàn toàn không có ví dụ. Nghĩa là năng lực của Đức Phật có thể hóa làm cây trong một sát-na để ví dụ cho tâm, nhưng không có ai nhận biết, cho nên nói là khó đưa ra.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-tử có thể không nhận biết chăng?

Đáp: Có người nói: Không nhận biết, bởi vì vô cùng nhanh chóng.

Có người nói: Có thể nhận biết nhưng không tác ý nhận biết, bởi vì không có tác dụng.

Hiếp Tôn giả nói: “Đức Thế Tôn nói tâm như vượn khỉ, tức là lấy tâm để ví dụ cho tâm, bởi vì vượn khỉ leo trèo nhảy nhót đều là việc làm của tâm.”

Hỏi: Đã nói đến khéo léo nhận biết về tâm và khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển, có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Không có sai biệt, khéo léo nhận biết về tâm tức là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Cũng có sai biệt, đó là tên gọi chính là sai biệt, gọi là khéo léo nhận biết về tâm và gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét tự tánh của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét hành tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét về tánh sai biệt của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về cảnh hiện hành của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, quán xét tự tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét cộng tướng của tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán về Tâm niệm trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán về Pháp niệm trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Lại nữa, chỉ quán về Thức thực-Thức uẩn-Ý xứ-bảy Tâm giới thì gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán chung về bốn loại Thức-năm Uẩn-mười hai Xứ-mười tám Giới thì gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán xét về tâm gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về tâm sở gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Có người nói: Quán xét về Thức gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về Thức trú gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.

Hiếp Tôn giả nói: “Quán xét về tâm có tham gọi là khéo léo nhận biết về tâm, quán xét về chuyển tâm có tham là tâm lia tham gọi là khéo léo nhận biết về tâm xoay chuyển.”

Như có tham-lìa tham, nên biết có sân-lìa sân, có si-lìa si, phân

tán-hời hợt, xuống thấp-lên cao, nhỏ bé-to lớn, lằng xằng-không lằng xằng, không vắng lặng-vắng lặng, không ổn định-ổn định, không tu tập-tu tập, không giải thoát-giải thoát, nhiễm ô-không nhiễm ô, hữu lậu-vô lậu, ràng buộc-cởi bỏ, hệ thuộc-không hệ thuộc cũng như vậy.

Như nói: “Trong đệ tử của Ta, Xá-lợi-tử có đủ Đại Tuệ biện, Chấp Đại Tạng đạt được Vô ngại giải.”

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Nghĩa vô ngại giải, Tôn giả Chấp Đại Tạng phần nhiều trú trong bốn Vô ngại giải, vì thế cho nên Đức Thế Tôn đều nói là bậc nhất.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tôn giả Chấp Đại Tạng hơn hẳn Tôn giả Xá-lợi-tử chăng?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử hơn hẳn, bởi vì có thể tự tại trú trong bốn loại, nhưng rời bỏ mà trú trong một loại.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Nghĩa, Tôn giả Chấp Đại Tạng phần nhiều trú trong bốn loại?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử chán ngán lìa bỏ danh ngôn, yêu quý coi trọng đối với nghĩa lý; Tôn giả Chấp Đại Tạng đối với nghĩa lý và danh ngôn đều sinh lòng yêu quý coi trọng.

Có người nói: Tôn giả Xá-lợi-tử đối với bốn Vô ngại giải đều đạt được tự tại, mà tùy theo ý thích trú trong một loại Nghĩa vô ngại giải, bởi vì Tôn giả ấy ở tất cả mọi lúc chỉ mong cầu đối với nghĩa lý; Tôn giả Chấp Đại Tạng đối với bốn Vô ngại giải đều chưa đạt được tự tại, Đức Thế Tôn ghi nhận vị ấy đạt được Vô ngại giải, vị ấy dấy lên ý nghĩ rằng: Đừng cho là mình đối với bốn Vô ngại giải này, tâm tiến vào-an trú-rời ra có điều gì quên mất, không xứng đáng để ghi nhận chăng? Vì thế cho nên đối với bốn loại xoay vòng trú nhiều trong đó. Như có hai Tỳ kheo cùng đọc tụng Tứ A-kiệp-ma (tứ a hàm), một người thì đều thông suốt lưu loát, một người thì sinh ra bế tắc; người thông suốt lưu loát thì tùy theo ý thích đọc tụng một phần, người sinh ra bế tắc thì xoay vòng tất cả bốn phần. Ở đây cũng như vậy, cho nên hai Tôn giả trú vào nhiều-ít đều khác nhau.

Hỏi: Tự tánh của bốn Vô ngại giải là gì?

Đáp: Tự tánh là Tuệ. Vì sao biết như vậy? Như trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Pháp vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với Văn-Cú-Danh thân. Nghĩa vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với Thắng nghĩa. Từ vô ngại giải là thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với ngôn từ. Biện vô ngại giải là

thế nào? Đó là Trí không thối chuyển đối với sự giảng giải hợp lý không vướng mắc, và tự tại trong Định-Tuệ.” Vì vậy cho nên biết Tuệ là tự tánh, bởi vì Trí tức là Tuệ. Đó gọi là tự tánh của Vô ngại giải, là Ngã, là vật, là tánh, là tướng, là bốn tánh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô ngại giải?

Đáp: Thông hiểu không vướng mắc đối với cảnh đã nhận biết gọi là Vô ngại giải, đó là Pháp vô ngại giải đối với đối với Văn-Cú-Danh thân, Nghĩa vô ngại giải đối với Thắng nghĩa về Niết-bàn, Từ vô ngại giải đối với ngôn từ của các phương, Biện vô ngại giải đối với Chánh thuyết và đạo, dùng Trí không thối chuyển để giải thích không có gì chướng ngại.

Có người nói: Đối với cảnh đã nhận biết đang thấy mà nhận biết thì gọi là Vô ngại giải, như thế gian ở trong một sự việc đang thấy nói là tôi hiểu biết không có gì ngăn ngại đối với điều này.

Có người nói: Pháp này nên gọi là Thâm mật giải, đó là bởi vì hiểu đến nơi sâu kín của A-tỳ-đạt-ma.

Có người nói: Pháp này nên gọi là Tùy ứng giải, đó là bởi vì hễ ở cảnh nào thì như thích hợp mà hiểu rõ.

Bốn Vô ngại giải này: Nói về Cõi, thì Pháp-Từ vô ngại giải rơi vào cõi Dục-Sắc, Nghĩa-Biện vô ngại giải rơi vào ba cõi và không rơi vào cõi.

Nói về Địa, thì Pháp vô ngại giải, có người nói: Thuộc về hai địa, đó là cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất.

Có người nói: Thuộc về năm địa, đó là cõi Dục và bốn Tĩnh lự.

Có người nói: Thuộc về bảy địa, đó là cõi Dục-Vị chí-Tĩnh lự trung gian và bốn Tĩnh lự.

Nghĩa-Biện vô ngại giải, hữu lậu thì thuộc về mười một địa, đó là cõi Dục-Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và bốn Vô sắc; vô lậu thì thuộc về chín địa, đó là Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc.

Từ vô ngại giải thuộc về hai địa, đó là cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất.

Nói về Sở y, thì bốn Vô ngại giải đều dựa vào cõi Dục.

Nói về Hành tướng, thì Pháp-Từ vô ngại giải là hành tướng không rõ ràng.

Nghĩa vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho chỉ có Niết-bàn là Thắng nghĩa, họ nói làm bốn hành tướng của Diệt và hành tướng không rõ ràng; những người có ý muốn khiến cho tất cả các pháp là

Thắng nghĩa, họ nói làm mười sáu hành tướng và hành tướng không rõ ràng.

Biện vô ngại giải, có người nói: Làm mười hai hành tướng và hành tướng không rõ ràng.

Có người nói: Làm bốn hành tướng của Đạo và hành tướng không rõ ràng

Nói về Sở duyên, thì Pháp vô ngại giải duyên với Văn-Cú-Danh thân. Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Diệt đế, hoặc có người muốn khiến cho duyên với tất cả các pháp. Từ vô ngại giải duyên với ngôn từ. Biện vô ngại giải duyên với đạo và thuyết giảng.

Nói về Niệm trú, thì Pháp vô ngại giải là Pháp niệm trú. Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ có Pháp niệm trú, hoặc có người muốn khiến cho đầy đủ bốn Niệm trú.

Từ vô ngại giải là Thân niệm trú. Biện vô ngại giải là bốn Niệm trú.

Nói về Trí, thì Pháp-Từ vô ngại giải là Thế tục trí.

Nghĩa vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho chỉ có Niết-bàn là Thắng nghĩa, có người nói: Tánh thuộc sáu trí, đó là Pháp trí-Loại trí-Thế tục trí-Diệt trí-Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc bốn trí, trừ ra Tận trí-Vô sinh trí, bởi vì Vô ngại giải là tánh Kiến.

Những người có ý muốn khiến cho tất cả các pháp là Thắng nghĩa, có người nói: Tánh thuộc mười trí.

Có người nói: Tánh thuộc tám trí, trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Biện vô ngại giải, có người nói: Tánh thuộc chín trí, trừ ra Diệt trí.

Có người nói: Tánh thuộc bảy trí, lại trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc sáu trí, là Pháp trí-Loại trí-Thế tục trí-Đạo trí-Tận trí-Vô sinh trí.

Có người nói: Tánh thuộc bốn trí, lại trừ ra Tận trí-Vô sinh trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, thì Pháp-Từ vô ngại giải không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ có Vô tướng và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa; hoặc có người muốn khiến cho có đủ ba Tam-ma-địa và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Biện vô ngại giải, có người nói: Không-Vô nguyện và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Có người nói: Chỉ có Vô nguyện thuộc Đạo và không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nói về Căn tương ứng, thì nói chung là tương ứng với ba căn, nhưng cõi Dục thì tương ứng với Hỷ-Xả căn, hai Tịch lự đầu tương ứng với Hỷ căn, Tịch lự thứ ba tương ứng với Lạc căn, ở địa khác thì chỉ tương ứng với Xả căn.

Nói về Thời gian(thế), thì đều thuộc về ba thời gian. Pháp-Biện vô ngại giải duyên với ba thời gian. Từ vô ngại giải thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh khởi thì duyên với vị lai, không sinh khởi thì duyên với ba thời gian.

Có người nói: Pháp và Từ vô ngại giải giống nhau.

Có người nói: Pháp-Từ-Biện vô ngại giải, quá khứ-hiện tại duyên với quá khứ, vị lai duyên với ba thời gian.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với tách lia thời gian; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba thời gian và tách lia thời gian.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, thì đều là thiện. Pháp vô ngại giải duyên với vô ký.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với thiện; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại.

Từ-Biện vô ngại giải duyên với ba loại.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, thì Pháp-Từ vô ngại giải hệ thuộc cõi Dục-Sắc. Nghĩa-Biện vô ngại giải hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Pháp vô ngại giải, những người có ý muốn khiến cho cõi Vô sắc cũng có Văn-Cú-Danh thân, họ nói là duyên với hệ thuộc ba cõi; những người có ý muốn khiến cho cõi Vô sắc không có Văn-Cú-Danh thân, họ nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với không hệ thuộc; hoặc có người muốn khiến cho duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Từ vô ngại giải duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc.

Biện vô ngại giải, có người nói: Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Có người nói: Duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc.

Nói về Học-Vô học và Phi học phi vô học, thì Pháp-Từ vô ngại giải là Phi học phi vô học, duyên cũng như vậy.

Nghĩa-Biện vô ngại giải là Vô học và Phi học phi vô học.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Phi học phi vô học; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại. Biện vô ngại giải duyên với ba loại.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, thì Pháp-Từ vô ngại giải là do Tu mà đoạn, duyên cũng như vậy.

Nghĩa-Biện vô ngại giải, hữu lậu thì do Tu mà đoạn, vô lậu thì không đoạn.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với không đoạn; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại. Biện vô ngại giải duyên với do Tu mà đoạn và không đoạn.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì Pháp vô ngại giải chỉ duyên với danh.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với nghĩa; hoặc có người muốn khiến cho duyên chung với danh và nghĩa.

Từ-Biện vô ngại giải chỉ duyên với nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, thì Pháp-Từ-Biện vô ngại giải duyên với Tự tương tục-Tha tương tục.

Có người nói: Chỉ duyên với Tự tương tục.

Nghĩa vô ngại giải, hoặc có người muốn khiến cho chỉ duyên với Phi tương tục; hoặc có người muốn khiến cho duyên với ba loại.

Nói về gia hạnh đặc-lìa nhiễm đặc, thì gồm chung gia hạnh đặc và lìa nhiễm đặc.

Trong đó có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Có lúc Vô ngại giải do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà

hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải gia hạnh như thế nào?

Đáp: Có người nói: Pháp vô ngại giải lấy luyện tập về Số luận làm gia hạnh, Nghĩa vô ngại giải lấy luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh, Từ vô ngại giải lấy luyện tập về Thanh luận làm gia hạnh, Biện vô ngại giải lấy luyện tập về Nhân luận làm gia hạnh. Đối với bốn điều này, nếu chưa khéo léo tài tình thì chắc chắn không có thể sinh khởi Vô ngại giải.

Có người nói: Pháp-Từ vô ngại giải lấy luyện tập về Ngoại luận làm gia hạnh, Nghĩa-Biện vô ngại giải lấy luyện tập về Nội luận làm gia hạnh.

Nói như vậy thì bốn Vô ngại giải đều lấy sự luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh. Như ở trong một bài tụng, nên nói tên gọi ấy như vậy, luyện tập về nói tên gọi như vậy, là gia hạnh của Pháp vô ngại giải; nên hiểu ý nghĩa ấy như vậy, luyện tập về hiểu ý nghĩa như vậy, là gia hạnh của Nghĩa vô ngại giải; nên giải thích từ ngữ ấy như vậy, luyện tập về giải thích từ ngữ như vậy, là gia hạnh của Từ vô ngại giải; nên giảng nói không vướng mắc như vậy, luyện tập về giảng nói không vướng mắc như vậy, là gia hạnh của Biện vô ngại giải. Vì thế cho nên bốn Vô ngại giải đều lấy sự luyện tập về lời dạy của Đức Phật làm gia hạnh.

Hỏi: Dựa vào đâu dẫn dắt phát khởi Vô ngại giải này?

Đáp: Dựa vào Tuệ thuộc Định Biên tế của Tĩnh lực thứ tư mà dẫn dắt phát khởi.

Hiếp Tôn giả nói: “Dựa vào Tuệ của cả bốn Tĩnh lực dẫn dắt phát khởi.”

Hỏi: Nơi nào có thể khởi lên Vô ngại giải này?

Đáp: Chỉ ở cõi Dục có thể khởi lên, trong cõi Dục chỉ có loài người ở ba châu, thân nữ-thân nam đều có thể khởi lên.

Tôn giả Chúng Thế nói rằng: “Chỉ có châu Thiệm Bộ, chỉ có người nam có thể khởi lên.”

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý, bởi vì nam-nữ ở ba châu đều có thể giữ lại thọ mạng và rời bỏ thọ mạng.

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào có thể khởi lên Vô ngại giải?

Đáp: Thánh giả chứ không phải là dị sinh. Trong hàng Thánh chỉ có Vô học, không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát, không phải là Thời giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu như trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ và đạt được Định tự

tại, thì có thể khởi lên. Các dị sinh và Tín thắng giải cả hai sự việc đều không có; Kiến chí tuy đối với Định đạt được tự tại, mà trong sự nối tiếp nhau bị phiền não níu giữ; Thời giải thoát tuy sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, mà đối với Định không đạt được tự tại; vì thế cho nên đều không có thể phát khởi. Chỉ có Bất thời giải thoát đối với Định đạt được tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, cho nên có thể khởi lên.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải theo thứ tự như thế nào, là như giảng nói mà khởi lên, hay là không phải như vậy?

Đáp: Có người nói: Như thuyết mà khởi lên. Như trong kinh trước tiên nói về Nghĩa vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên trước, cho đến sau cùng nói về Biện vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên sau. Nghĩa là Sư Du-già bởi vì biết nghĩa cho nên trước khởi lên Nghĩa vô ngại giải; tuy đã biết nghĩa mà đối với các tên gọi chưa khéo sắp xếp, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Pháp vô ngại giải; tuy đối với các tên gọi đã khéo sắp xếp mà đối với ngôn từ chưa có thể giải thích rành mạch, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Từ vô ngại giải; tuy đối với ngôn từ đã có thể giải thích rành mạch mà chưa có thể giảng giải hợp lý không vướng mắc, vì thế cho nên sau cùng khởi lên Biện vô ngại giải.

Có người nói: Như thuyết mà khởi lên. Như trong A-tỳ-đạt-ma trước tiên nói về Pháp vô ngại giải vì thế cho nên khởi lên trước, cho đến sau cùng nói về Biện vô ngại giải, vì thế cho nên khởi lên sau. Nghĩa là Sư Du-già bởi vì biết các tên gọi sắp xếp theo thứ tự, vì thế cho nên trước tiên khởi lên Pháp vô ngại giải; tuy biết các tên gọi sắp xếp theo thứ tự mà chưa hiểu rõ về nghĩa đã giải thích, vì thế cho nên tiếp theo khởi lên Nghĩa vô ngại giải; hai loại sau nói như trước.

Có người nói: Không như thuyết mà khởi lên, nghĩa là trước tiên khởi lên Từ, tiếp theo khởi lên Pháp, tiếp theo khởi lên Nghĩa, sau cùng khởi lên Biện. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì hành giả ấy trước phải hiểu rõ ràng về ngôn từ của thế tục, tiếp theo biết các tên gọi dựa vào ngôn từ, tiếp theo biết nghĩa lý dựa vào các tên gọi, biết ba sự việc này rồi mới có thể giảng giải hợp lý không vướng mắc, vì thế cho nên Từ có thể dẫn dắt Pháp, Pháp có thể dẫn dắt Nghĩa, Nghĩa có thể dẫn dắt Biện.

Hỏi: Bốn Vô ngại giải theo từng loại một mà đạt được hay là không phải như vậy?

Đáp: Nếu đạt được cùng lúc thì chắc chắn đạt được đầy đủ bốn loại, như bốn Thánh chủng cùng lúc mà đạt được, tùy theo sự yêu thích lần lượt hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh đạt được Vô ngại giải hay không? Nếu đạt được thì trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, do trí này mà nhận biết sẽ không sai lầm, vì sao Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ghi nhận người ta sinh con trai mà sau lại sinh con gái, ghi nhận trời sẽ mưa mà cuối cùng lại không mưa, ghi nhận quân của thành Vương Xá sẽ thắng mà lại bị quân của thành Phệ-xá-ly đánh bại? Độc giác vì sao không có thể thuyết pháp? Bài tụng đã nói lại hiểu thế nào?

*“Chỉ riêng Đức Phật xưng Vô học,
Là người đạt được Vô ngại giải,
Đến bờ bên kia của công đức,
Vĩnh viễn không có những sai lầm.”*

Nếu không đạt được thì tại sao trong kinh nói: “Trong đệ tử của Ta, Ma-ha Câu-sắt-si-la đạt được Vô ngại giải.” Tôn giả ấy căn tánh yếu kém mà Đức Phật còn nói đạt được, Đại Mục-kiền-liên căn tánh mạnh hơn so với vị ấy, vì sao không đạt được?

Đáp: Nên nói Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh cũng đạt được Vô ngại giải.

Hỏi: Trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, vì sao Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã ghi nhận lại có sai lầm?

Đáp: Trí của vị ấy không có thối chuyển ở trong cảnh đã quán thuộc phần của mình, chứ không phải là ở trong cảnh không quán thuộc phần khác, cho nên không có gì sai. Như vị ấy đã ghi nhận, trước thật sự là con trai sau chuyển làm con gái, lúc ấy trời cũng mưa nhưng vua A-tổ-lạc La-hổ-la đón lấy đưa vào biển lớn; còn hai nước lúc sắp đánh nhau, thì trước đó Dục-xoa Hộ Quốc đánh nhau với Dục-xoa ở thành Vương Xá, đầu thắng-sau bại, người trong nước cũng như vậy, chứ không phải là ban đầu không thắng. Nhưng Tôn giả ấy ở trong các sự việc như ghi nhận về sinh con trai... này, chỉ quán xét phần vị trước mà không quán xét phần vị sau, nếu như quán xét phần vị sau thì sự ghi nhận cũng không có gì sai lầm.

Hỏi: Nếu Độc giác cũng đạt được Vô ngại giải, thì vì sao không có thể thuyết pháp cho người khác?

Đáp: Bởi vì họ yêu quý vắng lặng-thích ở một mình, sợ hãi ồn ào tạp loạn-chán ngán tụ tập đông đúc, thấy rõ công đức của xa lìa-lỗi lầm của ồn náo, tâm rời bỏ đồ chúng lẽ nào có thể thuyết pháp hay sao?

Có người nói: Tất cả Độc giác đều là hành thuộc Xa-ma-tha, phải là hành thuộc Tỳ-bát-xá-na thì mới có thể thuyết pháp.

Có người nói: Bởi vì tất cả Độc giác không thích sắp xếp Danh-

Cú-Văn thân.

Có người nói: Họ quán xét kỹ càng giả sử mình thuyết pháp, mà người ấy sẽ có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lia niêm và không còn phiền não thì mình cũng nên nói, nhưng không có thể như vậy, mình đâu có thể uống phí công sức như vậy? Vì thế cho nên không nói.

Có người nói: Tất cả Độc giác có năng lực suy tính kỹ càng, thế gian chỉ có hai loại đã được giáo hóa:

1. Do Đức Phật giáo hóa.
2. Do Thanh văn giáo hóa.

Không có hữu tình nào do Độc giác giáo hóa, cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Nói đến thuyết pháp thì nhờ vào hai nhân duyên:

1. Do Lực mà dẫn dắt phát khởi.
2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Lực, không thuận theo người khác dạy bảo.

Lại nữa:

1. Vô úy dẫn dắt phát khởi.
2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Vô úy, không thuận theo người khác dạy bảo.

Lại nữa:

1. Đại Bi dẫn dắt phát khởi.
2. Do thuận theo người khác dạy bảo.

Độc giác không có Đại Bi, không thuận theo người khác dạy bảo, vì thế cho nên họ không có thể thuyết pháp.

Hỏi: Thuyết pháp là do có đủ tất cả pháp của Phật, vì sao chỉ nói đến Lực-Vô úy-Đại Bi chứ không phải là những pháp khác?

Đáp: Lực có thể thành lập vững vàng về luận thuyết của mình, Vô úy có thể phá bỏ luận thuyết của người khác, Đại Bi có thể khởi lên ý muốn thuyết pháp, lại không cần đến pháp nào khác, cho nên chỉ nói đến những pháp này.

Có người nói: Độc giác ấy dấy lên tư duy như vậy: Người có thể thuyết pháp, đó là bậc Pháp Vương và con của bậc Pháp Vương, mình không phải là Pháp Vương cũng không phải là con của bậc Pháp Vương, sao có thể thuyết pháp? Vì thế cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Độc giác ấy dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình từ xưa đến nay không hề luyện tập học hỏi các sự việc về thuyết pháp. Vì thế cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Nếu tự mình giác ngộ mà đối với ba loại sự việc điều phục đúng đắn, đạt được khéo léo tài tình thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác thì không như vậy.

Có người nói: Tự mình giác ngộ mà có đủ Nhất thiết trí-Nhất thiết chủng trí thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác thì không như vậy.

Có người nói: Nói đến thuyết giảng về Chánh pháp thì đều vì phá Ngã, lúc Độc giác xuất thế bởi vì chúng sinh chấp Ngã kiên cố khó phá bỏ, cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Người tự mình giác ngộ thì tâm ở lúc thuyết pháp chắc chắn dựa vào Niết-bàn, nếu lúc Độc giác khởi tâm hướng đến Niết-bàn, thì Sát-na thứ hai liền tiến vào tịch diệt, bởi vì rất thích giải thoát; Như Lai thì không như vậy, tuy ưa thích giải thoát mà vì Đại Bi-Đại Xả đã duy trì, cho nên có thể an trú lâu dài để thuyết pháp.

Có người nói: Tự mình giác ngộ mà có thể thành tựu về pháp không có quên mất thì mới có thể thuyết pháp, Độc giác nếu ở trong rừng vắng lặng trống trải thì có thể dùng Vô ngại giải để sắp xếp về

Danh-Cú-Văn thân như Uẩn-Giới-Xứ..., nếu lúc đi vào thôn làng thực hành khất thực thì sự sắp xếp trước đây có lúc quên mất, lúc ấy đẩy lên nghĩ rằng: Mình đã không đạt được pháp không có quên mất, thì đâu cần phải thuyết pháp? Vì thế cho nên không thuyết pháp.

Có người nói: Pháp của chúng tánh Độc giác thuận theo như vậy, tuy đạt được Vô ngại giải mà không thích thuyết pháp, muốn làm lợi ích thì chỉ có hiện bày thần thông, hoặc là chỉ truyền trao tám giới Trai cho người khác.

Hỏi: Nếu Thanh văn-Độc giác cũng đạt được Vô ngại giải, thì bài tụng đã nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Bởi vì chỉ riêng Đức Phật đã đạt được cứu cánh-viên mãn-thù thắng-tự tại không có gì sai lầm, cho nên nói như vậy, không phải là nói Nhị thừa đều không thành tựu. Nếu không như vậy thì Nhị thừa lẽ ra cũng không đạt được Vô học, bởi vì bài tụng nói chỉ riêng Đức Phật xưng Vô học.

Có Sư khác nói: Tất cả Thanh văn-Độc giác không đạt được bốn Vô ngại giải.

Hỏi: Vì sao trong kinh nói: “Trong đệ tử của Ta, Ma-ha Câu-sát-si-la đạt được Vô ngại giải.” Căn tánh vị ấy không phải là hơn hẳn mà Đức Phật còn nói đạt được, Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh thì căn tánh mạnh hơn so với vị ấy, vì sao nói là tất cả không đạt được?

Đáp: Đó là đã nói đến đạt được là căn thiện tương tự Vô ngại giải mà không phải là chân thật. Bởi vì Tôn giả ấy ở trong sinh tử đẳng dặc, yêu thích pháp này mà tinh tiến chịu khó tu tập, Đức Phật thuận theo ý đó cho nên nói là đạt được pháp ấy; các vị khác tuy đạt được căn thiện tương tự với pháp này, mà không phải là rất yêu thích tinh tiến chịu khó tu tập, cho nên không nói là đạt được pháp ấy.

Hỏi: Vì sao tất cả Nhị thừa không đạt được Vô ngại giải?

Đáp: Trí không có thối chuyển gọi là Vô ngại giải, trí của Thanh văn-Độc giác có thối chuyển đối với các cảnh giới, bởi vì đã ghi nhận và nói ra có sai lầm, cho nên không phải là Vô ngại giải.

Nói như vậy thì cách nói trước là hợp lý, bởi vì trí của Thanh văn-Độc giác không có thối chuyển ở trong cảnh thuộc phần của mình.

Trong này, Nguyên trí thâm nhiếp Nguyên trí-Biên tế trí-Vô tranh trí-bốn Vô ngại giải.

Như Nguyên trí, nên biết Nghĩa vô ngại giải cũng như vậy.

Biên tế trí không thâm nhiếp Từ vô ngại giải, còn lại nói như Nguyên trí.

Vô tranh trí thâm nhiếp Vô tranh trí-Nguyên trí-Biên tế trí.

Nghĩa vô ngại giải không thâm nhiếp Pháp-Từ-Biện vô ngại giải. Như Vô tranh, nên biết Pháp-Từ-Biện vô ngại giải cũng như vậy.

Như sự thích hợp của mỗi loại đều nói thâm nhiếp chính mình, trừ ra Vô tranh-Từ vô ngại giải, và không thâm nhiếp Biên tế trí, bởi vì bảy loại này đều dựa vào Định Biên tế mà đạt được, do lực của Định Biên tế mà dẫn dắt phát khởi. Thể của Tĩnh lực Biên tế có sáu loại, đó là bảy loại trừ ra Từ vô ngại giải, bởi vì phẩm cao nhất của Tĩnh lực thứ tư gọi là Biên tế.

Có Sư khác nói: Phẩm cao nhất của bốn Tĩnh lực đều gọi là Biên tế. Vì thế cho nên vị ấy nói Tĩnh lực Biên tế có đủ bảy loại-bảy trí thâm nhiếp lẫn nhau, cũng có sai biệt dựa theo trên nên biết. Nhưng có thể dẫn dắt phát khởi, chỉ là Biên tế của Tĩnh lực thứ tư chứ không phải là pháp nào khác.

